

Số: 374 /KH-UBND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### **Rà soát, điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang**

Thực hiện Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Việc phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã nhằm làm căn cứ hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy của HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; bố trí số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức phù hợp với từng loại ĐVHC. Qua đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở địa phương.

Tiến hành rà soát, đề nghị điều chỉnh việc phân loại ĐVHC cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp với quy mô, thực trạng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Việc rà soát, đề nghị điều chỉnh phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải thực hiện đúng tiến độ, kế hoạch, đảm bảo chính xác, thống nhất, khách quan, trung thực và theo đúng quy định của pháp luật.

#### **II. NỘI DUNG RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN**

##### **1. Phân loại ĐVHC cấp huyện:**

##### **1.1. Rà soát, thống kê thực trạng ĐVHC cấp huyện**

- Quy mô dân số;
- Diện tích tự nhiên;

- Số ĐVHC trực thuộc;
- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội;
- Các yếu tố đặc thù.

## **1.2. Tiêu chuẩn phân loại và cách tính điểm phân loại ĐVHC cấp huyện**

### ***a) Đối với ĐVHC là huyện:***

- Về quy mô dân số:
  - + Huyện từ 40.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 40.000 người thì cứ thêm 3.000 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm;
  - + Huyện miền núi áp dụng mức 75% quy định tại điểm a khoản này.
- Về diện tích tự nhiên từ 100 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm; trên 100 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 15 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm.
- Về số ĐVHC trực thuộc:
  - + Có từ 10 ĐVHC cấp xã trở xuống được tính 2 điểm; trên 10 ĐVHC cấp xã thì cứ thêm 01 ĐVHC được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 6 điểm;
  - + Có tỷ lệ số thị trấn trên tổng số ĐVHC cấp xã từ 20% trở xuống được tính 1 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm.
- Về trình độ phát triển kinh tế - xã hội:
  - + Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm. (Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% trở xuống được tính 3 điểm; trên 40% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm)
  - + Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế từ 50% trở xuống được tính 1 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;
  - + Có từ 15% đến 20% số xã trực thuộc đạt chuẩn nông thôn mới được tính 1 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 50% trở xuống được tính 1 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ ĐVHC cấp xã trực thuộc đạt tiêu chí quốc gia về y tế từ 50% trở xuống được tính 1 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 4,5% trở lên được tính 1 điểm; dưới 4,5% thì cứ giảm 0,5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm.

- Về các yếu tố đặc thù:

+ Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 1 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 2 điểm;

+ Có từ 10% đến 20% ĐVHC cấp xã trực thuộc có đường biên giới quốc gia trên đất liền được tính 1 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 2 điểm;

+ Huyện nghèo được tính 1 điểm.

**b) Đối với ĐVHC là thị xã:**

- Về quy mô dân số từ 50.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 50.000 người thì cứ thêm 3.000 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm.

- Về diện tích tự nhiên từ 70 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm; trên 70 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 05 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm.

- Về số ĐVHC trực thuộc:

+ Có từ 08 ĐVHC cấp xã trở xuống được tính 2 điểm; trên 08 ĐVHC cấp xã thì cứ thêm 01 ĐVHC được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 6 điểm;

+ Tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã từ 30% trở xuống được tính 1 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm.

- Về trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm. (Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% trở xuống được tính 3 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm).

+ Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế từ 65% trở xuống được tính 1 điểm; trên 65% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm;

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 55% trở xuống được tính 1 điểm; trên 55% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 55% trở xuống được tính 1 điểm; trên 55% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ số ĐVHC cấp xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế từ 55% trở xuống được tính 1 điểm; trên 55% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ số hộ dân cư được dùng nước sạch từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 4% trở lên được tính 1 điểm; dưới 4% thì cứ giảm 0,5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm.

- Về các yếu tố đặc thù:

+ Dân số tạm trú quy đổi từ 10% đến 20% so với dân số thường trú được tính 1 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 2 điểm;

+ Thị xã miền núi được tính 0,5 điểm;

+ Có từ 10% đến 20% ĐVHC cấp xã có đường biên giới quốc gia trên đất liền được tính 0,5 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 1 điểm;

+ Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 0,5 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 1 điểm.

**c) Đối với ĐVHC là thành phố:**

- Về quy mô dân số từ 50.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 50.000 người thì cứ thêm 4.000 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm.

- Về diện tích tự nhiên từ 50 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm; trên 50 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 05 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm.

- Về số ĐVHC trực thuộc:

+ Có từ 10 ĐVHC cấp xã trở xuống được tính 2 điểm; trên 10 ĐVHC cấp xã thì cứ thêm 01 ĐVHC được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 6 điểm;

+ Có tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã từ 35% trở xuống được tính 1 điểm; trên 35% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm.

- Về trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm. (Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% trở xuống được tính 3 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm).

+ Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế từ 70% trở xuống được tính 1 điểm; trên 70% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm;

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 4 điểm;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 55% trở xuống được tính 1 điểm; trên 55% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ số ĐVHC cấp xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ số hộ dân cư được dùng nước sạch từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 4% trở lên được tính 1 điểm; dưới 4% thì cứ giảm 0,5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm.

- Về các yếu tố đặc thù:

+ Dân số tạm trú quy đổi từ 10% đến 20% so với dân số thường trú được tính 1 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 2 điểm;

+ Thành phố thuộc tỉnh miền núi được tính 0,5 điểm;

+ Có từ 10% đến 20% ĐVHC cấp xã có đường biên giới quốc gia trên đất liền được tính 0,5 điểm; trên 20% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 1 điểm;

+ Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 0,5 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 1 điểm.

## **2. Phân loại ĐVHC cấp xã:**

### **2.1. Rà soát, thống kê thực trạng ĐVHC cấp xã**

- Quy mô dân số;
- Diện tích tự nhiên;
- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội;
- Các yếu tố đặc thù.

### **2.2. Tiêu chuẩn phân loại và cách tính điểm phân loại ĐVHC cấp xã**

Căn cứ số liệu thống kê thực trạng đối với từng tiêu chuẩn, tiến hành tính điểm đối với mỗi ĐVHC làm cơ sở cho việc phân loại:

#### **a) Đối với ĐVHC là xã:**

- Về quy mô dân số:
  - + Xã từ 3.500 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 3.500 người thì cứ thêm 100 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 35 điểm;
  - + Xã miền núi áp dụng mức 75% quy định tại điểm a khoản này;
  - + Xã có đường biên giới quốc gia trên đất liền áp dụng mức 30% quy định tại điểm a khoản này.
- Về diện tích tự nhiên từ 10 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm; trên 10 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 0,5 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm.
- Về trình độ phát triển kinh tế - xã hội:
  - + Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm. (Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 30% trở xuống được tính 3 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm).
  - + Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được tính 20 điểm. (Trường hợp xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nếu đạt được tiêu chí

nào trong hệ thống các tiêu chí quy định chuẩn nông thôn mới thì mỗi tiêu chí được tính 1 điểm nhưng tổng số điểm các tiêu chí tối đa không quá 15 điểm).

+ Xã có đường biên giới quốc gia trên đất liền áp dụng mức 30% quy định nêu trên.

- Về các yếu tố đặc thù:

+ Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 1 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 2 điểm;

+ Xã đặc biệt khó khăn được tính 1 điểm;

+ Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận được tính 1 điểm.

***b) Đối với DVHC là phường:***

- Về quy mô dân số:

+ Phường từ 5.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 5.000 người thì cứ thêm 200 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 35 điểm;

+ Phường có đường biên giới quốc gia trên đất liền áp dụng mức 30% quy định tại điểm a khoản này.

- Về diện tích tự nhiên từ 02 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm; trên 02 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 0,1 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm.

- Về trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm. (Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 45% trở xuống được tính 3 điểm; trên 45% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm).

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 55% trở xuống được tính 1 điểm; trên 55% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

+ Đạt tiêu chí quốc gia về y tế được tính 5 điểm;

+ Tỷ lệ số hộ dân cư được dùng nước sạch, từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 4% trở lên được tính 1 điểm; dưới 4% thì cứ giảm 0,5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

+ Phường có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì áp dụng mức 30% quy định nêu trên.

- Về các yếu tố đặc thù:

+ Dân số tạm trú quy đổi từ 10% đến 20% so với dân số thường trú được tính 0,5 điểm; trên 20% thì được tính 1 điểm;

+ Phường miền núi được tính 1 điểm;

+ Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 0,5 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 1 điểm;

+ Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận được tính 1 điểm.

**c) Đối với ĐVHC là thị trấn:**

- Về quy mô dân số:

+ Thị trấn có từ 5.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 5.000 người thì cứ thêm 100 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 35 điểm;

+ Thị trấn có đường biên giới quốc gia trên đất liền áp dụng mức 30% quy định tại điểm a khoản này.

- Về diện tích tự nhiên từ 05 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm; trên 05 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 0,2 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 30 điểm.

- Về trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm. (Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% trở xuống được tính 3 điểm; trên 40% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm).

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 50% trở xuống được tính 1 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

+ Đạt tiêu chí quốc gia về y tế được tính 5 điểm;



+ Tỷ lệ số hộ dân cư được dùng nước sạch từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 4% trở lên được tính 1 điểm; dưới 4% thì cứ giảm 0,5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

+ Thị trấn có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì áp dụng mức 30% quy định nêu trên.

- Về các yếu tố đặc thù:

+ Dân số tạm trú quy đổi từ 10% đến 20% so với dân số thường trú được tính 0,5 điểm; trên 20% thì được tính 1 điểm;

+ Thị trấn miền núi được tính 1 điểm;

+ Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 0,5 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 1 điểm;

+ Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận được tính 1 điểm.

### **3. Số liệu đánh giá tiêu chuẩn phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã**

Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp hoặc công bố. Riêng tiêu chuẩn thu, chi ngân sách địa phương và tốc độ tăng trưởng kinh tế được tính bình quân 03 năm (năm 2020, 2021 và 2022).

### **4. Khung điểm phân loại ĐVHC**

Điểm phân loại ĐVHC là tổng số điểm đạt được của các tiêu chuẩn về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số ĐVHC trực thuộc, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của ĐVHC đó. Tổng số điểm tối đa của các tiêu chí là 100 điểm.

- ĐVHC cấp huyện, cấp xã được phân loại I khi có tổng số điểm đạt được từ 75 điểm trở lên.

- ĐVHC cấp huyện, cấp xã được phân loại II khi có tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 75 điểm.

- ĐVHC cấp huyện, cấp xã không đạt khung điểm xác định loại I, loại II thì được phân loại III.

## **III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THỜI GIAN**

### **1. Đối với ĐVHC cấp huyện:**

### **1.1. Quy trình, thủ tục phân loại ĐVHC:**

Bước 1: UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phòng, ban có liên quan tiến hành rà soát, thống kê số liệu hiện trạng của địa phương và tự chấm điểm đạt được theo quy định tại mục 1 Phần II của Kế hoạch. Sau khi rà soát, UBND cấp huyện đối chiếu giữa số điểm đạt được của địa phương với khung điểm được quy định tại mục 4 Phần II của Kế hoạch để xác định có sự thay đổi hoặc không thay đổi loại ĐVHC so với hiện nay. Nếu không có thay đổi loại ĐVHC, UBND cấp huyện báo cáo về Sở Nội vụ đề nghị giữ nguyên loại ĐVHC hiện tại; nếu có thay đổi loại ĐVHC, UBND cấp huyện lập hồ sơ phân loại ĐVHC cấp mình, trình HĐND cùng cấp xem xét, thông qua; hoàn thiện hồ sơ phân loại ĐVHC cấp huyện theo quy định gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

Bước 2: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra hồ sơ phân loại do UBND cấp huyện gửi đến; tổng hợp số liệu theo từng lĩnh vực, gửi văn bản lấy ý kiến của các Sở, ngành tỉnh có liên quan.

Bước 3: Các Sở, ngành tỉnh đánh giá và cho ý kiến bằng văn bản về tính chính xác, hợp lý, hợp pháp của số liệu theo từng tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, quản lý; gửi văn bản về Sở Nội vụ.

Bước 4: Sở Nội vụ tổng hợp kết quả; hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ phân loại ĐVHC cấp huyện (đối với trường hợp có thay đổi loại ĐVHC).

### **1.2. Báo cáo kết quả phân loại ĐVHC cấp huyện (đối với ĐVHC không có thay đổi):**

- Báo cáo kết quả đánh giá các tiêu chuẩn phân loại ĐVHC của UBND cấp huyện;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

### **1.3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh phân loại ĐVHC cấp huyện (đối với ĐVHC có thay đổi):**

- Tờ trình của UBND cấp huyện;
- Nghị quyết của HĐND cấp huyện đối với việc phân loại ĐVHC cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại ĐVHC;

- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí ĐVHC được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

## **2. Đối với ĐVHC cấp xã:**

### **2.1. Quy trình phân loại ĐVHC:**

Bước 1: UBND cấp huyện chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tiến hành rà soát, thống kê số liệu hiện trạng của địa phương và tự chấm điểm đạt được theo quy định tại mục 2 Phần II của Kế hoạch. Sau khi rà soát, UBND cấp xã đối chiếu giữa số điểm đạt được của địa phương với khung điểm được quy định tại mục 4 Phần II của Kế hoạch để xác định có sự thay đổi hoặc không thay đổi loại ĐVHC so với hiện nay. Nếu không có thay đổi loại ĐVHC, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện đề nghị giữ nguyên loại ĐVHC hiện hành; nếu có thay đổi loại ĐVHC, UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp xem xét, thông qua Nghị quyết đề nghị phân loại ĐVHC và báo cáo UBND cấp huyện.

Bước 2: UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra kết quả rà soát, đánh giá số liệu của các xã, phường, thị trấn; đề nghị Sở Nội vụ xem xét giữ nguyên hoặc điều chỉnh phân loại ĐVHC đối với cấp xã.

Bước 3: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra hồ sơ phân loại do UBND cấp huyện gửi đến; tổng hợp số liệu theo từng lĩnh vực, gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành tỉnh có liên quan.

Bước 4: Sở Nội vụ tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc phân loại ĐVHC cấp xã (đối với trường hợp có thay đổi loại ĐVHC).

### **2.2. Báo cáo kết quả phân loại ĐVHC cấp xã (đối với ĐVHC không có thay đổi):**

- Báo cáo kết quả đánh giá các tiêu chuẩn phân loại ĐVHC của UBND cấp xã;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

### **2.3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh phân loại ĐVHC cấp xã (đối với ĐVHC có thay đổi):**

- Tờ trình của UBND cấp huyện;
- Nghị quyết của HĐND cấp xã đối với việc phân loại ĐVHC cấp xã;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại ĐVHC;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí ĐVHC được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nội vụ**

Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm đúng quy định và tiến độ thời gian thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thẩm định kết quả phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã do UBND cấp huyện đề nghị; sử dụng nguồn kinh phí đặc thù về quản lý địa giới hành chính để thực hiện việc rà soát, điều chỉnh phân loại ĐVHC.

Tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại ĐVHC cấp huyện; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân loại ĐVHC cấp xã.

##### **2. Các Sở, ngành tỉnh có liên quan**

Thẩm định, cho ý kiến bằng văn bản theo từng tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực Sở, ngành phụ trách, quản lý, cụ thể:

- Công an tỉnh: thẩm định, cho ý kiến về tiêu chuẩn quy mô dân, dân số tạm trú quy đổi.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm định, cho ý kiến về tiêu chuẩn diện tích tự nhiên.

- Sở Tài chính: thẩm định, cho ý kiến về tiêu chuẩn cân đối thu, chi ngân sách.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: thẩm định, cho ý kiến tiêu chuẩn tỷ lệ lao động qua đào tạo; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tỷ lệ hộ nghèo.

- Sở Y tế: thẩm định, cho ý kiến về tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã trực thuộc đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: thẩm định, cho ý kiến về tiêu chuẩn xã trực thuộc đạt chuẩn nông thôn mới và tiêu chuẩn tỷ lệ hộ dân cư được dùng nước sạch.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: thẩm định, cho ý kiến tiêu chuẩn có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận.

- Ban Dân tộc: thẩm định, cho ý kiến tiêu chuẩn dân số là người dân tộc thiểu số, và tiêu chuẩn xã đặc biệt khó khăn.

- Cục Thống kê: thẩm định, cho ý kiến về tiêu chuẩn tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế.

### **3. UBND cấp huyện:**

Tổ chức triển khai, thực hiện nội dung Kế hoạch này và các nội dung khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp của địa phương bảo đảm đúng quy định và thời gian.

UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh phân loại ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ):

- Đối với ĐVHC không có thay đổi, điều chỉnh phân loại thì tổng hợp, báo cáo *trước ngày 01 tháng 7 năm 2023*.

- Đối với ĐVHC có thay đổi, điều chỉnh phân loại thì hồ sơ được hoàn chỉnh và gửi về Sở Nội vụ *trước ngày 15 tháng 7 năm 2023*.

Căn cứ vào Kế hoạch này, các Sở, ngành tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh chủ động tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Tài chính,  
Sở LĐTB&XH, Sở VH TT & DL,  
Sở TN & MT, Sở NN & PTNT;
- Ban Dân tộc,
- Công an tỉnh;
- Cục Thống kê,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: CVP, P.TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**